

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ CƠ SỞ SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO BỆNH
DỊCH TẢ LỌN CHÂU PHI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TƯ NGHĨA NĂM 2025**

Từ ngày 25/7/2025 - 25/8/2025

(Kèm theo thông báo số 408/TB-UBND xã ngày 15/12/2025 của UBND xã Tư Nghĩa)

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
1	Nguyễn Rê	Thôn An Hà 1	4	264	10.560.000	
2	Nguyễn Nhuận	Thôn An Hà 1	1	72	2.880.000	
3	Trần Qua	Thôn An Hà 1	3	232	9.280.000	
4	Nguyễn Phi Tô	Thôn An Hà 3	20	596	23.840.000	
5	Mai Được	Thôn Điện An 1	1	132	5.280.000	
6	Nguyễn Thị Vương	Thôn Điện An 2	2	130	5.200.000	
7	Nguyễn Văn Tim	Thôn Điện An 2	1	102	4.080.000	
8	Đỗ Thị Liễu	Thôn Điện An 2	2	346	13.840.000	
9	Trần Thị Tuyết Sương	Thôn Điện An 2	2	63	2.520.000	
10	Đào Thị Thiện	Thôn Điện An 2	1	21	840.000	
11	Võ Thị Tựu	Thôn Điện An 3	9	176	7.040.000	
12	Trần Cho Anh	Thôn Điện An 3	4	69	2.760.000	
13	Mai Húy	Thôn Điện An 3	1	50	2.000.000	
14	Trần Văn Beo	Thôn Điện An 3	1	71	2.840.000	
15	Phạm Ngọc Trí	Thôn Điện An 4	7	160	6.400.000	
16	Võ Văn Xã	Thôn Điện An 4	2	120	4.800.000	
17	Huỳnh Gia Lâm	Thôn Điện Trang	1	90	3.600.000	
18	Ngô Thị Lệ	Thôn Hòa Bình	4	410	16.400.000	
19	Nguyễn Thị Chín	Thôn Hòa Bình	1	95	3.800.000	
20	Trương Văn Ngoan	Thôn Hòa Bình	10	850	34.000.000	
21	Trương Kỳ	Thôn Hòa Bình	2	289	11.560.000	
22	Trần Rồi	Thôn Hòa Phú	10	580	23.200.000	
23	Phan Thế Anh	Thôn Hòa Phú	22	1.280	51.200.000	
24	Nguyễn Thị Nữ	Thôn Hòa Phú	10	250	10.000.000	
25	Nguyễn Quang Minh	Thôn Hòa Tân	4	477	19.080.000	
26	Trần Phú Hữu	Thôn Hòa Tân	1	258	10.320.000	
27	Võ Thị Hồng Vân	Thôn Hòa Tân	2	220	8.800.000	
28	Trần Thị Thu Yến	Thôn La Châu	2	528	21.120.000	
29	Nguyễn Thị Vân	Thôn La Châu	1	207	8.280.000	
30	Võ Thị Ngọc Lân	Thôn La Châu	2	156	6.240.000	
31	Trần Quang Tuyên	Thôn La Châu	2	153	6.120.000	
32	Trần Thị Ái Liên	Thôn La Châu	1	137	5.480.000	
33	Lê Thị Thúy Phúc	Thôn La Hà 1	1	31	1.240.000	
34	Đoàn Thị Nhơn	Thôn La Hà 1	13	264	10.560.000	
35	Lê Vinh	Thôn La Hà 2	2	92	3.680.000	
36	Trương Văn Hoàn	Thôn La Hà 4	1	165	6.600.000	
37	Thượng Đình Trung	Thôn La Hà 4	1	60	2.400.000	
38	Phạm Vinh Lựu	Thôn Phú Văn	6	210	8.400.000	
39	Phan Tấn Phát	Thôn Phú Văn	2	350	14.000.000	
40	Nguyễn Văn Hương	Thôn Phú Văn	3	240	9.600.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
41	Nguyễn Quý Phùng	Thôn Phú Văn	11	290	11.600.000	
42	Lê Công Thơ Em	Thôn Phú Văn	2	160	6.400.000	
43	Trương Quang Hiền	Thôn Tân Hội	1	31	1.240.000	
44	Nguyễn Thị Liên	Thôn Tân Hội	1	82	3.280.000	
45	Trần Thị Tùng	Thôn An Bình	1	261	10.440.000	
46	Lương Bá Thắng	Thôn Vạn An 1	2	87	3.480.000	
47	Lê Thị Hải	Thôn Vạn An 1	1	80	3.200.000	
48	Nguyễn Thị Hiền	Thôn Vạn An 1	1	78	3.120.000	
49	Lương Thị Chư	Thôn Vạn An 1	1	75	3.000.000	
50	Đinh Thị Lang	Thôn Vạn An 1	1	52	2.080.000	
51	Thượng Thị Thu Hồng	Thôn Vạn An 2	1	59	2.360.000	
52	Bùi Thị Búp	Thôn Vạn An 2	1	79	3.160.000	
53	Lê Thị Mai	Thôn Vạn An 3	1	195	7.800.000	
54	Đoàn Thanh Nhung	Thôn Vạn An 3	1	125	5.000.000	
55	Lê Tấn Thi	Thôn Vạn An 3	1	35	1.400.000	
56	Lê Ngọc Anh	Thôn Vạn An 3	2	51	2.040.000	
57	Nguyễn Nhuận	Thôn An Hà 1	1	72	2.880.000	
58	Lê Thị Thu	Thôn An Hà 1	7	352	14.080.000	
59	Phạm Thị Sinh	Thôn An Hà 1	1	60	2.400.000	
60	Cao Văn Thành	Thôn An Hà 1	12	481	19.240.000	
61	Cao Văn Vũ	Thôn An Hà 1	1	61	2.440.000	
62	Cao Văn Đoan	Thôn An Hà 1	1	57	2.280.000	
63	Mai Văn Vương	Thôn Điện An 2	6	165	6.600.000	
64	Mai Đình Phương	Thôn Điện An 2	1	162	6.480.000	
65	Phạm Đình Khuê	Thôn Điện An 4	17	178	7.120.000	
66	Nguyễn Trọng Trung	Thôn Điện An 4	2	290	11.600.000	
67	Lương Thị Thu	Thôn Điện An 4	2	320	12.800.000	
68	Nguyễn Thị Bích Liễu	Thôn Điện Trang	34	780	31.200.000	
69	Phan Thị Dây	Thôn Điện Trang	5	530	21.200.000	
70	Lê Lớ	Thôn Hòa Bình	2	270	10.800.000	
71	Ngô Đình Huân	Thôn Hòa Tân	2	528	21.120.000	
72	Nguyễn Công Tính	Thôn Hòa Tân	9	310	12.400.000	
73	Trần Thị Vần	Thôn Hòa Tân	2	278	11.120.000	
74	Phan Ngọc Thanh	Thôn Hòa Tân	3	433	17.320.000	
75	Nguyễn Văn Hiếu	Thôn Hòa Tân	9	405	16.200.000	
76	Trần Thị Thu Chí	Thôn La Châu	3	206	8.240.000	
77	Lê Chánh	Thôn La Châu	1	275	11.000.000	
78	Nguyễn Thị Hương	Thôn La Châu	3	163	6.520.000	
79	Phạm Văn Tiến	Thôn La Châu	1	88	3.520.000	
80	Trần Thị Thu Yến	Thôn La Châu	6	403	16.120.000	
81	Trần Thị Phương	Thôn La Châu	2	357	14.280.000	
82	Võ Nghiệp	Thôn La Châu	1	281	11.240.000	
83	Lê Văn Ngọc	Thôn La Hà 3	1	102	4.080.000	
84	Trương Văn Hoành	Thôn La Hà 4	5	194	7.760.000	
85	Nguyễn Út	Thôn Phú Văn	1	98	3.920.000	
86	Nguyễn Thị Huệ	Thôn Phú Văn	1	110	4.400.000	
87	Nguyễn Thuận	Thôn Phú Văn	2	120	4.800.000	
88	Bùi Tá Tư	Thôn Phú Văn	16	1.209	48.360.000	
89	Nguyễn Thị Thủy	Thôn Phú Văn	6	482	19.280.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
90	Phan Thượng Hưng	Thôn Phú Văn	24	382	15.280.000	
91	Phan Thị Thúy Kiều	Thôn Phú Văn	1	168	6.720.000	
92	Mai Thị Mỹ Vân	Thôn Phú Văn	20	1.520	60.800.000	
93	Nguyễn Thành Hải	Thôn Phú Văn	1	95	3.800.000	
94	Mai Văn Trang	Thôn Tân Hội	27	2.222	88.880.000	
95	Phan Đình Nho	Thôn Tân Hội	5	192	7.680.000	
96	Mai Quang Lê	Thôn Tân Hội	8	650	26.000.000	
97	Phan Đình Thư	Thôn Tân Hội	2	130	5.200.000	
98	Phạm Văn Phúc	Thôn Tân Hội	5	212	8.480.000	
99	Lê Thị Tân	Thôn Tân Hội	1	103	4.120.000	
100	Ngô Văn Dũng	Thôn Thanh Hà	1	45	1.800.000	
101	Huỳnh Chức	Thôn Vạn An 1	1	79	3.160.000	
102	Mai Thị Sành	Thôn Vạn An 1	1	165	6.600.000	
103	Trần Thị Tiến	Thôn Vạn An 1	10	342	13.680.000	
104	Thượng Thị Thu Hồng	Thôn Vạn An 2	1	69	2.760.000	
105	Nguyễn Thị Gái	Thôn Vạn An 2	11	288	11.520.000	
106	Bùi Thị Nở	Thôn Vạn An 2	2	261	10.440.000	
107	Bùi Văn Sơn	Thôn Vạn An 3	1	215	8.600.000	
108	Bùi Ngọc Long	Thôn Vạn An 3	1	85	3.400.000	
109	Võ Đình Hà	Thôn Vạn An 3	1	125	5.000.000	
110	Võ Đình Phi	Thôn Vạn An 3	2	86	3.440.000	
111	Trần Văn Mai	Thôn Vạn An 3	2	175	7.000.000	
112	Đoàn Thanh Nhung	Thôn Vạn An 3	2	143	5.720.000	
113	Trần Phước Thịnh	Thôn Vạn An 3	5	730	29.200.000	
114	Nguyễn Văn Xừ	Thôn An Hà 1	3	115	4.600.000	
115	Nguyễn Phương	Thôn An Hà 1	2	98	3.920.000	
116	Nguyễn Thị Kim Sắc	Thôn An Hà 1	21	1.666	66.640.000	
117	Nguyễn Thị Kim Sa	Thôn An Hà 1	12	785	31.400.000	
118	Bùi Thiện Dũng	Thôn Điện An 2	1	175	7.000.000	
119	Trần Văn Thuyết	Thôn Điện An 2	1	257	10.280.000	
120	Huỳnh Văn Tín	Thôn Điện An 2	1	142	5.680.000	
121	Trần Văn Danh	Thôn Điện An 3	1	35	1.400.000	
122	Lê Cho	Thôn Điện An 3	1	70	2.800.000	
123	Trần Thanh Sang	Thôn Điện An 3	1	28	1.120.000	
124	Tạ Văn Tiến	Thôn Điện An 3	1	86	3.440.000	
125	Lê Thị Hiền	Thôn Điện An 3	1	158	6.320.000	
126	Nguyễn Thành Dũng	Thôn Điện An 3	2	48	1.920.000	
127	Trần Đức Thành	Thôn Điện An 3	1	60	2.400.000	
128	Trần Văn Tánh	Thôn Điện An 3	1	82	3.280.000	
129	Đặng Thị Dung	Thôn Điện An 4	1	120	4.800.000	
130	Phạm Ngọc Trí	Thôn Điện An 4	2	175	7.000.000	
131	Nguyễn Lâm	Thôn Điện An 4	1	70	2.800.000	
132	Nguyễn Thị Danh	Thôn Điện An 4	1	120	4.800.000	
133	Phạm Đình Khuê	Thôn Điện An 4	1	80	3.200.000	
134	Ngô Thị Lệ	Thôn Hòa Bình	31	1.185	47.400.000	
135	Võ Thị Thu Dung	Thôn Hòa Bình	18	970	38.800.000	
136	Lê Văn Tòng	Thôn Hòa Tân	1	155	6.200.000	
137	Nguyễn Căn	Thôn Hòa Tân	1	95	3.800.000	
138	Trần Thanh Phú	Thôn Hòa Tân	12	960	38.400.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
139	Phan Quốc Tín	Thôn Hòa Tân	1	240	9.600.000	
140	Lương Thị Ngọc Hiệp	Thôn La Châu	1	186	7.440.000	
141	Lê Văn Hiếu	Thôn La Châu	1	87	3.480.000	
142	Lê Thị Thúy Phúc	Thôn La Hà 1	1	32	1.280.000	
143	Nguyễn Cao Bằng	Thôn La Hà 2	11	203	8.120.000	
144	Nguyễn Thị Tiếng	Thôn La Hà 3	30	1.230	49.200.000	
145	Nguyễn Thị Xuân Nữ	Thôn La Hà 3	1	20	800.000	
146	Võ Đình Phụ	Thôn La Hà 3	2	156	6.240.000	
147	Lê Thanh Vũ	Thôn La Hà 3	2	152	6.080.000	
148	Phạm Thanh Hùng	Thôn Phú Văn	17	1.190	47.600.000	
149	Phan Tấn Chí	Thôn Phú Văn	26	468	18.720.000	
150	Nguyễn Văn Long	Thôn Phú Văn	39	639	25.560.000	
151	Đào Tấn Ninh	Thôn Tân Hội	3	188	7.520.000	
152	Phạm Đăng Trí	Thôn Tân Hội	5	343	13.720.000	
153	Nguyễn Thị Liên	Thôn Tân Hội	4	283	11.320.000	
154	Phạm Đăng Thường	Thôn Tân Hội	3	425	17.000.000	
155	Lê Bá Khiết	Thôn La Hà Thạch Trận	4	184	7.360.000	
156	Lê Thị Tâm	Thôn La Hà Thạch Trận	8	190	7.600.000	
157	Lê Lỗi	Thôn La Hà Thạch Trận	10	502	20.080.000	
158	Nguyễn Thị Viết	Thôn La Hà Thạch Trận	2	196	7.840.000	
159	Lê Thị Thu Thúy	Thôn Vạn An 1	2	185	7.400.000	
160	Nguyễn Thanh	Thôn Vạn An 1	1	105	4.200.000	
161	Lê Thị Mùa	Thôn Vạn An 2	1	98	3.920.000	
162	Bùi Văn Tấn	Thôn Vạn An 2	1	155	6.200.000	
163	Lê Thị Bính	Thôn Vạn An 2	1	45	1.800.000	
164	Lê Thị Thành Phương	Thôn Vạn An 2	2	288	11.520.000	
165	Đoàn Minh Thư	Thôn Vạn An 3	1	98	3.920.000	
166	Lê Quang Thân	Thôn Vạn An 3	1	108	4.320.000	
167	Lê Thành Phương	Thôn Vạn An 3	3	234	9.360.000	
168	Nguyễn Quảng	Thôn Vạn An 3	10	726	29.040.000	
169	Lê Thị Thu	Thôn An Hà 1	5	325	13.000.000	
170	Trần Đình Diệp	Thôn An Hà 1	1	50	2.000.000	
171	Tạ Văn Đại	Thôn An Hà 1	1	201	8.040.000	
172	Nguyễn Trung Chánh	Thôn An Hà 1	1	95	3.800.000	
173	Trương Văn Vũ	Thôn Điện An 1	1	151	6.040.000	
174	Nguyễn Văn Thanh	Thôn Điện An 1	3	231	9.240.000	
175	Nguyễn Quý	Thôn Điện An 1	2	292	11.680.000	
176	Thượng Thị Trinh	Thôn Điện An 1	2	90	3.600.000	
177	Ngô Văn Bé	Thôn Điện An 1	1	122	4.880.000	
178	Võ Thị Thùy	Thôn Điện An 1	2	82	3.280.000	
179	Bùi Thế	Thôn Điện An 1	1	49	1.960.000	
180	Trần Đăng Bảo	Thôn Điện An 2	5	161	6.440.000	
181	Nguyễn Minh Đức	Thôn Điện An 2	14	1.050	42.000.000	
182	Bùi Thị Phương Tuyền	Thôn Điện An 2	3	325	13.000.000	
183	Nguyễn Văn Tèo	Thôn Điện An 2	2	51	2.040.000	
184	Nguyễn Thị Vương	Thôn Điện An 2	9	315	12.600.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
185	Mai Hủy	Thôn Điện An 3	1	60	2.400.000	
186	Trần Đức Thành	Thôn Điện An 3	1	130	5.200.000	
187	Nguyễn Thanh	Thôn Điện An 3	1	34	1.360.000	
188	Nguyễn Nghiên	Thôn Điện An 4	1	127	5.080.000	
189	Võ Thị Thơ	Thôn Điện An 4	11	160	6.400.000	
190	Ngô Văn Quới	Thôn Hòa Bình	27	1.358	54.320.000	
191	Trần Thị Hà	Thôn Hòa Bình	9	225	9.000.000	
192	Lê Đèo	Thôn Hòa Bình	5	291	11.640.000	
193	Trương Kỳ	Thôn Hòa Bình	2	230	9.200.000	
194	Lê Nhớ	Thôn Hòa Bình	6	165	6.600.000	
195	Trần Tân	Thôn Hòa Phú	1	140	5.600.000	
196	Mai Xuân Minh	Thôn Hòa Tân	5	722	28.880.000	
197	Nguyễn Phi Hùng	Thôn La Châu	2	220	8.800.000	
198	Phạm Thị Mỹ Dung	Thôn La Châu	4	457	18.280.000	
199	Võ Thị Văn	Thôn La Châu	7	451	18.040.000	
200	Trần Thị Ái Liên	Thôn La Châu	2	283	11.320.000	
201	Lê Thị Nga	Thôn La Châu	1	191	7.640.000	
202	Nguyễn Nghĩa	Thôn La Châu	1	97	3.880.000	
203	Đoàn Thị Phương Trúc	Thôn La Châu	1	95	3.800.000	
204	Mai Thị Lê	Thôn La Châu	1	46	1.840.000	
205	Lê Thị Thúy Phúc	Thôn La Hà 1	8	320	12.800.000	
206	Lê Thành Được	Thôn La Hà 2	1	165	6.600.000	
207	Võ Thị Tịnh	Thôn La Hà 2	2	208	8.320.000	
208	Nguyễn Thị Hạnh	Thôn La Hà 3	1	59	2.360.000	
209	Phạm Thị Ưu	Thôn La Hà 4	1	175	7.000.000	
210	Thượng Đình Trung	Thôn La Hà 4	1	165	6.600.000	
211	Bùi Thông	Thôn Phú Văn	11	130	5.200.000	
212	Hà Thái Hồng	Thôn Phú Văn	1	160	6.400.000	
213	Võ Duy Khóa	Thôn Phú Văn	1	170	6.800.000	
214	Phan Thị Hoa	Thôn Phú Văn	1	140	5.600.000	
215	Bùi Việt Lê	Thôn Phú Văn	1	150	6.000.000	
216	Trần Thị Yển	Thôn Phú Văn	47	2.356	94.240.000	
217	Trần Văn Toán	Thôn Phú Văn	15	450	18.000.000	
218	Phạm Thị Thu Bích	Thôn Phú Văn	2	230	9.200.000	
219	Bùi Tá Hòa	Thôn Phú Văn	2	180	7.200.000	
220	Nguyễn Cao Khánh	Thôn Phú Văn	15	202	8.080.000	
221	Phạm Đăng Trí	Thôn Tân Hội	25	619	24.740.000	
222	Phạm Đăng Du	Thôn Tân Hội	1	125	5.000.000	
223	Trương Quang Hải	Thôn Tân Hội	1	52	2.080.000	
224	Trương Quang Hiền	Thôn Tân Hội	14	224	8.960.000	
225	Phan Thị Kim Vỹ	Thôn Tân Hội	1	182	7.280.000	
226	Phan Đình Thư	Thôn Tân Hội	2	167	6.680.000	
227	Phạm Đăng Huân	Thôn Tân Hội	2	100	4.000.000	
228	Phạm Văn Tự	Thôn Tân Hội	3	286	11.440.000	
229	Trần Thị Cúc	Thôn Thanh Hà	12	242	9.680.000	
230	Ngô Văn Dũng	Thôn Thanh Hà	4	340	13.600.000	
231	Lê Văn Cư	Thôn La Hà Thạch Trện	9	395	15.800.000	
232	Lê Thị Long	Thôn Vạn An 1	1	62	2.480.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
233	Huỳnh Đông	Thôn Vạn An 1	1	55	2.200.000	
234	Lê Thị Gặp	Thôn Vạn An 1	1	153	6.120.000	
235	Tạ Thị Ba	Thôn Vạn An 3	3	110	4.400.000	
236	Lê Ngọc Anh	Thôn Vạn An 3	3	52	2.080.000	
237	Nguyễn Thiết	Thôn An Hà 1	4	252	10.080.000	
238	Nguyễn Trung Bình	Thôn An Hà 1	1	95	3.800.000	
239	Lê Thị Thu	Thôn An Hà 1	1	61	2.440.000	
240	Trần Đình Diệp	Thôn An Hà 1	7	455	18.200.000	
241	Cao Thị Lệ Ánh	Thôn An Hà 3	1	150	6.000.000	
242	Trần Thị Thủy	Thôn Điện An 3	1	31	1.240.000	
243	Lê Đặng Thị Thúy	Thôn Hòa Bình	3	235	9.400.000	
244	Đặng Văn Duy	Thôn Hòa Tân	20	940	37.600.000	
245	Nguyễn Văn Hiếu	Thôn Hòa Tân	16	776	31.040.000	
246	Phạm Thị Lan	Thôn La Châu	1	226	9.040.000	
247	Trần Dương Nhân	Thôn La Châu	2	131	5.240.000	
248	Võ Chính	Thôn La Châu	1	115	4.600.000	
249	Lương Văn Siêng	Thôn La Hà 1	2	96	3.840.000	
250	Lê Thị Thúy Phúc	Thôn La Hà 1	30	1.088	43.520.000	
251	Phạm Ngọc Ân	Thôn La Hà 1	3	125	5.000.000	
252	Đoàn Thị Nhơn	Thôn La Hà 1	11	176	7.040.000	
253	Phan Thị Nguyệt	Thôn La Hà 1	1	121	4.840.000	
254	Nguyễn Thị Hiền	Thôn La Hà 2	3	188	7.520.000	
255	Võ Kim	Thôn La Hà 2	1	65	2.600.000	
256	Lê Thị Thúy	Thôn La Hà 4	5	89	3.560.000	
257	Phạm Mẫn	Thôn La Hà 4	1	75	3.000.000	
258	Huỳnh Minh Sum	Thôn Phú Văn	2	210	8.400.000	
259	Phan Ngọc Mẫn	Thôn Phú Văn	5	620	24.800.000	
260	Nguyễn Thị Ký	Thôn Phú Văn	2	270	10.800.000	
261	Bùi thị My	Thôn Phú Văn	2	160	6.400.000	
262	Phạm Đăng Thi	Thôn Tân Hội	3	241	9.640.000	
263	Trần Xuân Ấn	Thôn Tân Hội	2	98	3.920.000	
264	Trương Quang Hà	Thôn Tân Hội	1	212	8.480.000	
265	Trương Quang Bình	Thôn Tân Hội	5	188	7.520.000	
266	Trương Quang Hải	Thôn Tân Hội	5	210	8.400.000	
267	Nguyễn Văn Cảnh	Thôn Thanh Hà	1	145	5.800.000	
268	Trần Thị Phương Thu	Thôn An Nghĩa	1	162	6.480.000	
269	Lê Thị Thu Thúy	Thôn Vạn An 1	28	1.049	41.960.000	
270	Lê Thị Hải	Thôn Vạn An 1	1	100	4.000.000	
271	Lương Thị Nhượng	Thôn Vạn An 1	1	105	4.200.000	
272	Huỳnh Chức	Thôn Vạn An 1	3	335	13.400.000	
273	Huỳnh Thị Thu	Thôn Vạn An 1	1	280	11.200.000	
274	Lương Thị Luyến	Thôn Vạn An 1	13	351	14.040.000	
275	Lê Văn Lâu	Thôn Vạn An 1	5	248	9.920.000	
276	Lê Thị Hồng Minh	Thôn Vạn An 1	2	300	12.000.000	
277	Bùi Thị Hóa	Thôn Vạn An 1	1	200	8.000.000	
278	Võ Thị Đào	Thôn Vạn An 1	1	105	4.200.000	
279	Nguyễn Thị Nguyên	Thôn Vạn An 2	2	100	4.000.000	
280	Lê Thị Thành Phương	Thôn Vạn An 2	1	105	4.200.000	
281	Trần Thị Hồng Hoa	Thôn Vạn An 2	6	417	16.680.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
282	Trần Văn Tra	Thôn Vạn An 2	14	145	5.800.000	
283	Huỳnh Văn Sơn	Thôn Vạn An 2	10	130	5.200.000	
284	Lê Đăng Tiếp	Thôn Vạn An 2	13	175	7.000.000	
285	Huỳnh Ngọc Tín	Thôn Vạn An 2	2	59	2.360.000	
286	Cao Văn Minh	Thôn Vạn An 2	1	48	1.920.000	
287	Nguyễn Thị Thủy	Thôn Vạn An 2	6	60	2.400.000	
288	Lê Ngọc Anh	Thôn Vạn An 3	5	98	3.920.000	
289	Nguyễn Trung Bính	Thôn An Hà 1	3	104	4.160.000	
290	Đinh Khanh	Thôn An Hà 3	11	700	28.000.000	
291	Huỳnh Thị Thu Phước	Thôn an hà 3	1	130	5.200.000	
292	Huỳnh Văn Tuấn	Thôn an hà 3	6	235	9.400.000	
293	Bùi Thị phượng	Thôn an hà 3	6	510	20.400.000	
294	Nguyễn Thuận	Thôn an hà 3	24	620	24.800.000	
295	Nguyễn Minh	Thôn an hà 3	1	100	4.000.000	
296	Bùi Tá Nho	Thôn an hà 3	1	100	4.000.000	
297	Bùi Ân	Thôn an hà 3	7	620	24.800.000	
298	Nguyễn Thị Cách	Thôn an hà 3	2	250	10.000.000	
299	Nguyễn Minh Đức	Thôn Điện An 2	2	147	5.880.000	
300	Trần Thị Mai	Thôn Điện An 3	1	78	3.120.000	
301	Cao Văn Thuận	Thôn Điện An 3	3	152	6.080.000	
302	Trần Đức Thành	Thôn Điện An 3	10	70	2.800.000	
303	Trương Văn Lờ	Thôn Điện An 4	1	120	4.800.000	
304	Nguyễn Trung Tâm	Thôn Điện Trang	4	460	18.400.000	
305	Nguyễn Hòa	Thôn điện trang	4	200	8.000.000	
306	Lê Thị Thật	Thôn Hòa Bình	4	340	13.600.000	
307	Nguyễn Thị Kiều	Thôn Hòa Tân	10	695	27.800.000	
308	Hà Thành An	Thôn Hòa Tân	2	335	13.400.000	
309	Đặng Văn Duy	Thôn Hòa Tân	28	1.328	53.120.000	
310	Phạm Thị Nga	Thôn La Châu	1	276	11.040.000	
311	Nguyễn Thị Dừa	Thôn La Châu	2	172	6.880.000	
312	Lê Thị Vân	Thôn La Châu	1	85	3.400.000	
313	Võ Thị Điều	Thôn La Hà 1	2	67	2.680.000	
314	Võ Thị Hoa	Thôn La Hà 1	15	140	5.600.000	
315	Võ Thanh Tùng	Thôn La Hà 3	9	201	8.040.000	
316	Vì Thái Sơn	Thôn Tân Hội	8	241	9.640.000	
317	Phan Chánh Trực	Thôn An Bình	1	195	7.800.000	
318	Trần Văn Lộc	Thôn Thanh Hà	1	127	5.080.000	
319	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	Thôn An Nghĩa	4	95	3.800.000	
320	Huỳnh Thị Thủy	Thôn Vạn An 1	2	170	6.800.000	
321	Lê Thị Bé	Thôn Vạn An 1	1	142	5.680.000	
322	Đặng Thị Hồng Sen	Thôn Vạn An 1	2	102	4.080.000	
323	Lê Văn Thông	Thôn Vạn An 1	1	125	5.000.000	
324	Nguyễn Công Troan	Thôn Vạn An 2	8	504	20.160.000	
325	Lê Thị Hậu	Thôn Vạn An 2	1	165	6.600.000	
326	Lê Đăng Sanh	Thôn Vạn An 3	13	281	11.240.000	
327	Lê Văn Bình	Thôn Vạn An 3	1	45	1.800.000	
328	Trần Thị Quá	Thôn Vạn An 3	1	25	1.000.000	
329	Nguyễn Ai Cho	Thôn An Hà 1	2	131	5.240.000	
330	Lê Thị Thu	Thôn An Hà 1	6	362	14.480.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
331	Cao Văn Thành	Thôn An Hà 1	1	45	1.800.000	
332	Nguyễn Thị Công	Thôn An Hà 1	3	166	6.640.000	
333	Cao Văn Năng	Thôn An Hà 1	1	42	1.680.000	
334	Lê Thị Bích Trâm	Thôn An Hà 3	1	89	3.560.000	
335	Phan Thị Huệ	Thôn An Hà 3	1	160	6.400.000	
336	Đinh Duy Diên	Thôn Điện An 1	10	150	6.000.000	
337	Trần Dữ	Thôn Điện An 1	12	207	8.280.000	
338	Đinh Duy Ba	Thôn Điện An 1	2	82	3.280.000	
339	Bùi Thị Phương Tuyền	Thôn Điện An 2	4	594	23.760.000	
340	Trần Thị Hoa	Thôn Điện An 3	5	261	10.440.000	
341	Lê Thị Kim Ánh	Thôn Điện An 3	2	157	6.280.000	
342	Trần Văn Danh	Thôn Điện An 3	2	74	2.960.000	
343	Lê Thị Thu Sang	Thôn Điện An 4	1	91	3.640.000	
344	Phan Tấn Lên	Thôn Điền Trang	2	190	7.600.000	
345	Nguyễn Diên Thí	Thôn Điền Trang	2	170	6.800.000	
346	Nguyễn Phi Tiên	Thôn Điền Trang	2	170	6.800.000	
347	Trần Thị Rồi	Thôn Hòa Bình	1	165	6.600.000	
348	Đỗ thị chín	Thôn Hòa Tân	1	152	6.080.000	
349	Đoàn thanh hiền	Thôn Hòa Tân	1	155	6.200.000	
350	Nguyễn Nghĩa	Thôn La Châu	1	79	3.160.000	
351	Kiều Thị Trâm	Thôn La Châu	2	293	11.720.000	
352	Võ Thị Thanh Tùng	Thôn La Hà 1	2	90	3.600.000	
353	Phạm Đình Phương	Thôn La Hà 1	2	134	5.360.000	
354	Huỳnh Thị Thiên	Thôn La Hà 4	2	137	5.480.000	
355	Đặng Thị Quyên	Thôn La Hà 4	1	45	1.800.000	
356	Huỳnh Hạng	Thôn Phú Văn	6	548	21.920.000	
357	Lê Công Chánh	Thôn Phú Văn	21	1.178	47.120.000	
358	Mai Thị Mỹ Vân	Thôn Phú Văn	20	1.320	52.800.000	
359	Phạm Đăng Trí	Thôn Tân Hội	3	179	7.160.000	
360	Trương Quang Hải	Thôn Tân Hội	1	102	4.080.000	
361	Trương Quang Hà	Thôn Tân Hội	3	179	7.160.000	
362	Phan Thị Kim Vỹ	Thôn Tân Hội	1	250	10.000.000	
363	Đồng văn tiến	Thôn La Hà Thạch Trận	5	215	8.600.000	
364	Trần thị Tinh	Thôn La Hà Thạch Trận	20	436	17.440.000	
365	Phan chánh trực	Thôn An Bình	17	425	17.000.000	
366	Lê Thị Bé	Thôn Vạn An 1	1	128	5.120.000	
367	Bùi Thị Ngân	Thôn Vạn An 2	2	250	10.000.000	
368	Nguyễn Thị Gái	Thôn Vạn An 2	9	855	34.200.000	
369	Trần Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thôn Vạn An 2	1	165	6.600.000	
370	Nguyễn Thị Ngọc Đan	Thôn Vạn An 2	1	128	5.120.000	
371	Nguyễn Thị Thủy	Thôn Vạn An 2	7	98	3.920.000	
372	Võ Đình Hà	Thôn Vạn An 3	1	157	6.280.000	
373	Võ Thị Nhị	Thôn Vạn An 3	3	308	12.320.000	
374	Nguyễn Thị Nương	Thôn Vạn An 3	1	162	6.480.000	
375	Nguyễn Mơi	Thôn An Hà 1	1	118	4.720.000	
376	Cao Văn Quới	Thôn An Hà 1	1	65	2.600.000	
377	Nguyễn Đình Phương	Thôn An Hà 1	1	71	2.840.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
378	Nguyễn Cừu	Thôn An Hà 1	14	232	9.280.000	
379	Nguyễn Thị Thủy	Thôn An Hà 3	17	200	8.000.000	
380	Trần văn thương anh	Thôn điện an 2	1	85	3.400.000	
381	Nguyễn Thanh	Thôn Điện An 3	1	140	5.600.000	
382	Nguyễn Trọng Trung	Thôn Điện An 4	1	119	4.760.000	
383	Nguyễn ngọc phương	Thôn Hòa Bình	3	307	12.280.000	
384	Phạm bảy	Thôn Hòa Phú	10	250	10.000.000	
385	Ngô văn toàn	Thôn Hòa Tân	18	1.159	46.360.000	
386	Ngô văn tích	Thôn Hòa Tân	88	1.632	65.280.000	
387	Trần thanh phú	Thôn Hòa Tân	2	134	5.360.000	
388	Lương Văn Định	Thôn La Hà 1	1	53	2.120.000	
389	Bùi Thị Ánh	Thôn Tân Hội	1	112	4.480.000	
390	Lê Thành Được	Thôn La Hà 2	1	22	880.000	
391	Nguyễn Thị Liễu	Thôn La Hà 2	1	152	6.080.000	
392	Trương Thị Thanh	Thôn La Hà 4	13	273	10.920.000	
393	Võ Văn Diên	Thôn Phú Văn	1	150	6.000.000	
394	Võ Ngọc Cua	Thôn Phú Văn	1	30	1.200.000	
395	Phan Thị Liêu	Thôn Phú Văn	1	64	2.560.000	
396	Nguyễn Thị Hào	Thôn Phú Văn	2	122	4.880.000	
397	Phạm Văn Tự	Thôn Tân Hội	24	707	28.280.000	
398	Huỳnh Văn Sơn	Thôn Tân Hội	1	80	3.200.000	
399	Phan Thị Vân	Thôn Tân Hội	3	244	9.760.000	
400	Trần Văn Lộc	Thôn Thanh Hà	11	318	12.720.000	
401	Nguyễn Nghĩa	Thôn La Châu	1	74	2.960.000	
402	Nguyễn Văn Đám	Thôn Vạn An 1	1	265	10.600.000	
403	Nguyễn Diên	Thôn Vạn An 1	1	195	7.800.000	
404	Võ Thị Hợp	Thôn Vạn An 1	1	175	7.000.000	
405	Nguyễn Tấn Thu	Thôn Vạn An 2	1	198	7.920.000	
406	Nguyễn Minh Đường	Thôn Vạn An 2	1	157	6.280.000	
407	Nguyễn Thị Thủy	Thôn Vạn An 2	5	60	2.400.000	
408	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thôn Vạn An 3	1	99	3.960.000	
409	Bùi Thanh Hùng	Thôn Vạn An 3	14	266	10.640.000	
410	Phạm Thị Lan	Thôn Vạn An 3	1	125	5.000.000	
411	Nguyễn Văn Xừ	Thôn An Hà 1	9	531	21.240.000	
412	Trần Đình Diệp	Thôn An Hà 1	10	428	17.120.000	
413	Nguyễn Thị Công	Thôn An Hà 1	4	287	11.480.000	
414	Mai Thị Ớn	Thôn La Châu	1	82	3.280.000	
415	Nguyễn Thị Bảy	Thôn An Hà 3	1	155	6.200.000	
416	Mai Liên	Thôn Điện An 1	8	119	4.760.000	
417	Lê Tấn Huân	Thôn Điện An 1	1	189	7.560.000	
418	Đinh Duy Anh	Thôn Điện An 2	1	60	2.400.000	
419	Trần Thị Thủy	Thôn Điện An 3	1	42	1.680.000	
420	Nguyễn Thanh	Thôn Điện An 3	2	195	7.800.000	
421	Lê Đặng Thị Thúy	Thôn Hòa Bình	9	433	17.320.000	
422	Huỳnh Thị Ánh Tuyền	Thôn La Châu	1	110	4.400.000	
423	Lê Thị Thủy	Thôn La Châu	1	75	3.000.000	
424	Trần Đình Tuấn Anh	Thôn La Châu	1	70	2.800.000	
425	Đinh Thị Duân	Thôn La Châu	1	60	2.400.000	
426	Nguyễn Trung Chánh	Thôn An Hà 1	2	4	160.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
427	Lê Văn Thành	Thôn La Hà 4	3	85	3.400.000	
428	Nguyễn Thị Kim Thoa	Thôn Phú Văn	2	88	3.520.000	
429	Phan Hoan	Thôn Phú Văn	6	60	2.400.000	
430	Võ Thị Thu	Thôn Phú Văn	1	42	1.680.000	
431	Phan Ngọc Vũ	Thôn Phú Văn	1	120	4.800.000	
432	Nguyễn Trung Thiện	Thôn Phú Văn	27	1.583	63.320.000	
433	Phan Thị Thúy Kiều	Thôn Phú Văn	1	112	4.480.000	
434	Phạm Thị Mênh	Thôn Tân Hội	11	208	8.320.000	
435	Phạm Đăng Thường	Thôn Tân Hội	2	74	2.960.000	
436	Phạm Văn Tự	Thôn Tân Hội	3	35	1.400.000	
437	Trần Xuân Ân	Thôn Tân Hội	3	262	10.480.000	
438	Nguyễn Văn Hưng	Thôn La Hà Thạch Trận	8	299	11.960.000	
439	Nguyễn Thị Thuyết	Thôn Vạn An 1	1	98	3.920.000	
440	Đoàn Thị Thúy Kiều	Thôn Vạn An 3	1	130	5.200.000	
441	Võ Đình Hà	Thôn Vạn An 3	6	468	18.720.000	
442	Cao Văn Thành	Thôn An Hà 1	9	417	16.680.000	
443	Lê Thị Thu	Thôn An Hà 1	4	150	6.000.000	
444	Trần Đình Diệp	Thôn An Hà 1	7	415	16.600.000	
445	Trần Thị Thanh Xuân	Thôn An Hà 1	1	30	1.200.000	
446	Nguyễn Hưng	Thôn An Hà 3	6	370	14.800.000	
447	Nguyễn Thị Yên	Thôn An Hà 3	2	180	7.200.000	
448	Lê Huân	Thôn Điện An 3	1	80	3.200.000	
449	Võ Thị Tựu	Thôn Điện An 3	4	269	10.760.000	
450	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thôn Điện An 4	3	36	1.420.000	
451	Trần Thanh Phú	Thôn Hòa Tân	9	603	24.120.000	
452	Mai Thị Lê	Thôn La Châu	3	122	4.880.000	
453	Nguyễn Thị Dừa	Thôn La Châu	1	78	3.120.000	
454	Lê Tấn Thạch	Thôn La Hà 2	2	158	6.320.000	
455	Nguyễn Thị Hạnh	Thôn La Hà 3	2	127	5.080.000	
456	Huỳnh Thị Hạnh	Thôn La Hà 4	2	115	4.600.000	
457	Phạm Thị Thôi	Thôn Phú Văn	3	254	10.160.000	
458	Phan Tấn Chí	Thôn Phú Văn	12	1.332	53.280.000	
459	Bùi Văn Tại	Thôn Phú Văn	2	148	5.920.000	
460	Phan Thị Huệ	Thôn Tân Hội	1	152	6.080.000	
461	Lê Thị Tân	Thôn Tân Hội	2	122	4.880.000	
462	Nguyễn Thị Quới	Thôn Tân Hội	1	89	3.560.000	
463	Phạm Cân	Thôn Tân Hội	2	74	2.960.000	
464	Nguyễn Thị Liên	Thôn Tân Hội	7	370	14.800.000	
465	Phạm Văn Phúc	Thôn Tân Hội	2	57	2.280.000	
466	Trần Văn Lộc	Thôn Thanh Hà	1	90	3.600.000	
467	Nguyễn Thị Tân	Thôn Vạn An 1	1	135	5.400.000	
468	Huỳnh Đông	Thôn Vạn An 1	1	30	1.200.000	
469	Lê Thị Gặp	Thôn Vạn An 1	1	150	6.000.000	
470	Nguyễn Đình Phương	Thôn An Hà 1	6	314	12.560.000	
471	Nguyễn Văn Xừ	Thôn An Hà 1	1	42	1.680.000	
472	Ngô Thị Lan	Thôn An Hà 1	1	26	1.040.000	
473	Nguyễn Thiết	Thôn An Hà 1	1	33	1.320.000	
474	Cao Văn Đoan	Thôn An Hà 1	13	1.032	41.280.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
475	Nguyễn Lê Chi	Thôn An Hà 1	1	110	4.400.000	
476	Nguyễn Mơi	Thôn An Hà 1	1	50	2.000.000	
477	Hoàng thị lý	Thôn Điện An 2	1	137	5.480.000	
478	Trần Thị Trung	Thôn Điện An 3	5	123	4.920.000	
479	Mai Húy	Thôn Điện An 3	1	53	2.120.000	
480	Lê Thị Hiền	Thôn Điện An 3	1	185	7.400.000	
481	Lê Thị Kim Ánh	Thôn Điện An 3	2	46	1.840.000	
482	Cao Văn Thuận	Thôn Điện An 3	8	260	10.400.000	
483	Phạm đình khuê	Thôn Điện An 4	1	87	3.480.000	
484	Võ Thị Kim Yên	Thôn Điện Trang	2	25	1.000.000	
485	Trương tâm	Thôn Hòa Bình	19	206	8.240.000	
486	Trương văn hiếu	Thôn Hòa Bình	4	171	6.840.000	
487	Phạm Thị Lan	Thôn La Châu	1	112	4.480.000	
488	Lê Thị Thanh Thúy	Thôn La Hà 3	1	101	4.040.000	
489	Lê Công Chánh	Thôn Phú Văn	2	112	4.480.000	
490	Huỳnh Thị Thời	Thôn Phú Văn	2	332	13.280.000	
491	Nguyễn Trung Thâm	Thôn Phú Văn	19	189	7.560.000	
492	Huỳnh Thị Thu Hiệp	Thôn Phú Văn	1	23	920.000	
493	Võ Thị Kiệt	Thôn Tân Hội	1	53	2.120.000	
494	Trương Quang Hải	Thôn Tân Hội	3	152	6.080.000	
495	Lê Trí	Thôn Thanh Hà	2	210	8.400.000	
496	Võ Đình Thông	Thôn Vạn An 2	1	57	2.280.000	
497	Nguyễn Thị Thủy	Thôn Vạn An 2	14	138	5.520.000	
498	Trần Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thôn Vạn An 2	1	170	6.800.000	
499	Nguyễn Phương	Thôn An Hà 1	1	34	1.360.000	
500	Nguyễn Thị Công	Thôn An Hà 1	1	28	1.120.000	
501	Nguyễn Đức Hùng	Thôn An Hà 1	1	102	4.080.000	
502	Nguyễn Mơi	Thôn An Hà 1	5	232	9.280.000	
503	Phạm Thị Nguyệt	Thôn An Hà 3	2	270	10.800.000	
504	Bùi Ân	Thôn An Hà 3	8	232	9.280.000	
505	Đình Khanh	Thôn An Hà 3	9	108	4.320.000	
506	Đình duy ba	Thôn Điện An 1	1	63	2.520.000	
507	Nguyễn Minh Đức	Thôn Điện An 2	51	3.573	142.920.000	
508	Bùi Thị Phương Tuyền	Thôn Điện An 2	5	689	27.560.000	
509	Trần Quá	Thôn Điện Trang	1	125	5.000.000	
510	Phùng thị nở	Thôn Hòa Bình	1	125	5.000.000	
511	Trần phú hữu	Thôn Hòa Tân	16	1.375	55.000.000	
512	Nguyễn ngọc phương	Thôn Hòa Bình	3	98	3.920.000	
513	Nguyễn khánh	Thôn Hòa Bình	3	440	17.600.000	
514	Ngô văn tích	Thôn Hòa Tân	88	1.804	72.160.000	
515	Võ Thị Ngọc Lên	Thôn La Châu	1	40	1.600.000	
516	Phạm mẫn	Thôn La Hà 4	1	110	4.400.000	
517	Bùi Tá Mạnh	Thôn Phú Văn	15	514	20.560.000	
518	Lê Công Chánh	Thôn Phú Văn	1	115	4.600.000	
519	Bùi Thị Năm	Thôn Phú Văn	2	207	8.280.000	
520	Trương Quang Hải	Thôn Tân Hội	2	277	11.080.000	
521	Đồng Văn Đoan	Thôn Tân Hội	1	46	1.840.000	
522	Phan Thị Liên	Thôn Tân Hội	3	149	5.960.000	
523	Lê Thị Thu Thúy	Thôn Vạn An 1	1	210	8.400.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
524	Huỳnh Chức	Thôn Vạn An 1	1	135	5.400.000	
525	Ngô Thị Lan	Thôn An Hà 1	18	627	25.080.000	
526	Trần Thị Thanh Xuân	Thôn An Hà 1	1	18	720.000	
527	Nguyễn Thị Công	Thôn An Hà 1	34	1.886	75.440.000	
528	Nguyễn ngọc phương	Thôn Hòa Bình	4	118	4.720.000	
529	Phan ngọc thanh	Thôn Hòa Tân	1	60	2.400.000	
530	Mai thị sanh	Thôn Hòa Tân	8	72	2.880.000	
531	Huỳnh Văn Lai	Thôn La Châu	1	212	8.480.000	
532	Mai Thị Lê	Thôn La Châu	1	103	4.120.000	
533	Võ Đình Thuận	Thôn La Hà 4	3	173	6.920.000	
534	Lê Thị Thúy	Thôn La Hà 4	1	86	3.440.000	
535	Võ Thị Thu	Thôn Phú Văn	5	230	9.200.000	
536	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thôn Phú Văn	1	42	1.680.000	
537	Đào Tấn Ninh	Thôn Tân Hội	1	238	9.520.000	
538	Phan Tấn Trình	Thôn An Bình	2	197	7.880.000	
539	Phạm Huyền	Thôn Tân Hội	2	103	4.120.000	
540	Bùi Thị Kim Ly	Thôn Tân Hội	6	270	10.800.000	
541	Nguyễn Thị Búp	Thôn La Hà Thạch Trạn	1	135	5.400.000	
542	Lê Thị Hoa	Thôn Vạn An 1	1	110	4.400.000	
543	Nguyễn Thị Tân	Thôn Vạn An 1	2	239	9.560.000	
544	Lê Thị Hậu	Thôn Vạn An 2	1	97	3.880.000	
545	Võ Kim	Thôn La Hà 2	1	53	2.120.000	
546	Võ Thị Hợp	Thôn Vạn An 1	2	218	8.720.000	
547	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thôn Điện An 4	1	170	6.800.000	
548	Đinh Duy Ba	Thôn Điện An 1	2	51	2.040.000	
549	Bùi Thế	Thôn Điện An 1	1	21	840.000	
550	Dương Đình Lợi	Thôn Điện An 1	1	35	1.400.000	
551	Phạm Văn Đồng	Thôn Hòa Tân	1	75	3.000.000	
552	Trần Quá	Thôn Điện Trang	1	71	2.840.000	
553	Phan Thị Hoa	Thôn Phú Văn	17	168	6.720.000	
554	Bùi Tá Mạnh	Thôn Phú Văn	9	476	19.040.000	
555	Phan Tấn Phát	Thôn Phú Văn	3	94	3.760.000	
556	Phan Đình Thư	Thôn Tân Hội	3	153	6.120.000	
557	Nguyễn Thị Kim Phượng	Thôn An Hà 3	12	107	4.280.000	
558	Phạm Thị Mỹ Dung Anh	Thôn Tân Hội	1	115	4.600.000	
559	Bùi Thị Kim Ly	Thôn Tân Hội	6	344	13.760.000	
560	Phạm Đình Tặng	Thôn La Hà 1	1	67	2.680.000	
561	Phạm Ngọc Ba	Thôn La Hà 1	2	85	3.400.000	
562	Cao Văn Thành	Thôn An Hà 1	1	102	4.080.000	
563	Lê Thanh Tuấn	Thôn An Hà 1	2	73	2.920.000	
564	Trần Thị Thanh Xuân	Thôn An Hà 1	1	20	800.000	
565	Cao Văn Mỹ	Thôn An Hà 1	1	78	3.120.000	
566	Nguyễn Trung Chánh	Thôn An Hà 1	13	120	4.800.000	
567	Bùi Tá Hòa	Thôn Phú Văn	1	87	3.480.000	
568	Phạm Thị Lan	Thôn La Châu	1	117	4.680.000	
569	Nguyễn Thị Châu	Thôn La Châu	1	25	1.000.000	
570	Trần Thị Mai	Thôn Điện An 3	1	112	4.480.000	
571	Lê Thị Điền	Thôn Điện An 3	1	100	4.000.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
572	Nguyễn Thị Gái	Thôn Vạn An 2	2	134	5.360.000	
573	Nguyễn Duy Tường	Thôn Vạn An 2	3	227	9.080.000	
574	Trần Thị Quá	Thôn Vạn An 3	1	206	8.240.000	
575	Nguyễn Thị Liễu	Thôn La Hà 2	1	128	5.120.000	
576	Nguyễn Đình Phương	Thôn An Hà 1	1	52	2.080.000	
577	Lê Thị Hiệp	Thôn An Hà 1	3	85	3.400.000	
578	Nguyễn Văn Xừ	Thôn An Hà 1	4	168	6.720.000	
579	Trần Đình Diệp	Thôn An Hà 1	6	331	13.240.000	
580	Phạm Đăng Huân	Thôn Tân Hội	1	40	1.600.000	
581	Bùi Thị Năm	Thôn Phú Văn	2	287	11.480.000	
582	Huỳnh Hạng	Thôn Phú Văn	1	157	6.280.000	
583	Võ Quốc Bình	Thôn Phú Văn	3	259	10.360.000	
584	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thôn Phú Văn	3	181	7.240.000	
585	Nguyễn Thị Thu Hương	Thôn La Châu	16	246	9.840.000	
586	Nguyễn Thành Lập	Thôn An Hà 1	1	38	1.520.000	
587	Nguyễn Thị Gái	Thôn Vạn An 2	10	234	9.360.000	
588	Trần Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thôn Vạn An 2	1	57	2.280.000	
589	Võ Văn Ngọc	Thôn Điện An 4	1	193	7.720.000	
590	Trần Đăng Huy	Thôn Điện An 1	1	56	2.240.000	
591	Nguyễn Thị Kim Thoa	Thôn Phú Văn	2	117	4.680.000	
592	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thôn Phú Văn	1	58	2.320.000	
593	Vĩ Thái Sơn	Thôn Tân Hội	4	121	4.840.000	
594	Võ Duy Liên	Thôn An Hà 3	3	118	4.720.000	
595	Nguyễn Thị Kim Phượng	Thôn An Hà 3	14	230	9.200.000	
596	Nguyễn Thị Hồng	Thôn Vạn An 1	1	120	4.800.000	
597	Võ Anh Trung	Thôn La Hà 2	11	238	9.520.000	
598	Bùi Thị Phương Tuyền	Thôn Điện An 2	23	867	34.680.000	
599	Trần Minh Phương	Thôn Điện An 2	1	50	2.000.000	
600	Trần Văn Thương Anh	Thôn Điện An 2	12	127	5.080.000	
601	Mai Thị Tương	Thôn Phú Văn	1	140	5.600.000	
602	Nguyễn Quốc	Thôn An Hà 3	5	352	14.080.000	
603	Nguyễn Thị Kim Phượng	Thôn An Hà 3	4	59	2.360.000	
604	Trần Đình Diệp	Thôn An Hà 1	9	474	18.960.000	
605	Nguyễn Đình Phương	Thôn An Hà 1	3	103	4.120.000	
606	Trần Thị Kim Chung	Thôn An Hà 1	1	105	4.200.000	
607	Nguyễn Trung Chánh	Thôn An Hà 1	5	50	2.000.000	
608	Lương Bá Tăng	Thôn La Hà 1	1	100	4.000.000	
609	Lê Thị Hoa	Thôn Vạn An 1	1	181	7.240.000	
610	Nguyễn Thị Tân	Thôn Vạn An 1	2	25	1.000.000	
611	Nguyễn Thị Nương	Thôn Vạn An 3	1	92	3.680.000	
612	Lê Châu Thành	Thôn Vạn An 3	1	174	6.960.000	
613	Mai Thức	Thôn Điện An 2	2	66	2.640.000	
614	Mai Thị Sanh	Thôn Hòa Tân	1	83	3.320.000	
615	Tạ Thị Nhàn	Thôn An Nghĩa	2	162	6.480.000	
616	Bùi Thị Ánh	Thôn Tân Hội	1	163	6.520.000	
617	Bùi Thị Kim Ly	Thôn Tân Hội	10	339	13.560.000	
618	Trương Quang Hải	Thôn Tân Hội	4	81	3.240.000	
619	Phan Thị Liên	Thôn Tân Hội	13	252	10.080.000	
620	Phan Hoan	Thôn Phú Văn	1	50	2.000.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
621	Võ Thị Út	Thôn Phú Văn	2	188	7.520.000	
622	Trần Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thôn Vạn An 2	1	78	3.120.000	
623	Nguyễn Thị Khẩn	Thôn Vạn An 1	1	37	1.480.000	
624	Nguyễn Thị Tiếng	Thôn La Hà 3	1	127	5.080.000	
625	Dương Đình Lợi	Thôn Điện An 1	1	51	2.040.000	
626	Đỗ Thị Lan	Thôn Vạn An 2	12	316	12.640.000	
627	Trần Hồng Thái	Thôn Hòa Tân	1	245	9.800.000	
628	Phạm Thị Hiếu	Thôn An Hà 3	1	189	7.560.000	
629	Nguyễn Thị Bảy	Thôn An Hà 3	1	119	4.760.000	
630	Nguyễn Thị Kim Anh	Thôn La Châu	1	212	8.480.000	
631	Trần Thị Thanh Xuân	Thôn An Hà 1	5	246	9.840.000	
632	Phan Thị Hào	Thôn An Hà 1	1	180	7.200.000	
633	Trần Đình Diệp	Thôn An Hà 1	6	361	14.440.000	
634	Cao Văn Mỹ	Thôn An Hà 1	12	737	29.480.000	
635	Nguyễn Thị Quới	Thôn Tân Hội	1	66	2.640.000	
636	Phan Thị Vân	Thôn Tân Hội	2	244	9.760.000	
637	Mai Thị Tương	Thôn Phú Văn	2	133	5.320.000	
638	Nguyễn Phi Thơ	Thôn Phú Văn	1	260	10.400.000	
639	Nguyễn Duy Tường	Thôn Vạn An 2	1	16	640.000	
640	Bùi Cường	Thôn Vạn An 2	1	190	7.600.000	
641	Đinh Thuyền	Thôn Hòa Bình	1	105	4.200.000	
642	Trần Công Tuấn	Thôn La Châu	3	149	5.960.000	
643	Nguyễn Bảy	Thôn La Châu	1	102	4.080.000	
644	Võ Thị Văn	Thôn La Châu	6	214	8.560.000	
645	Nguyễn Phường	Thôn Phú Văn	2	166	6.640.000	
646	Tạ Thị Nhanh	Thôn An Nghĩa	1	81	3.240.000	
647	Trần Thị Ái Hằng	Thôn Tân Hội	1	178	7.120.000	
648	Lê Thị Thanh	Thôn Tân Hội	2	96	3.840.000	
649	Phạm Đăng Trí	Thôn Tân Hội	6	302	12.080.000	
650	Nguyễn Trung Tâm	Thôn Phú Văn	4	501	20.040.000	
651	Tạ Thị Nhanh	Thôn An Nghĩa	6	448	17.920.000	
652	Phạm Thị Mỹ Dung Anh	Thôn Tân Hội	2	169	6.760.000	
653	Võ văn lộc	Thôn Điện An 4	1	160	6.400.000	
654	Trần Thị Thu	Thôn Điện An 4	1	170	6.800.000	
655	Đặng Thị Huệ	Thôn Hòa Phú	3	68	2.720.000	
656	Nguyễn Tấn Huynh	Thôn Hòa Bình	1	135	5.400.000	
657	Nguyễn Thuận	Thôn Phú Văn	6	284	11.360.000	
658	Lê Công Thích	Thôn Phú Văn	11	441	17.640.000	
659	Đoàn Thị Xuân Tốt	Thôn Phú Văn	1	62	2.480.000	
660	Nguyễn Đình Phương	Thôn An Hà 1	6	371	14.840.000	
661	Trần Đình Diệp	Thôn An Hà 1	1	45	1.800.000	
662	Nguyễn Thị Kim Sắc	Thôn An Hà 1	7	106	4.240.000	
663	Huỳnh Thị Thu Hiệp	Thôn Phú Văn	13	133	5.320.000	
664	Trần Thị Ái Hằng	Thôn Tân Hội	2	117	4.680.000	
665	Phạm Thị Mỹ Dung Anh	Thôn Tân Hội	27	413	16.520.000	
666	Trần Thị Kim Tuyền	Thôn Tân Hội	16	218	8.720.000	
667	Trần Ngọc Được	Thôn Tân Hội	1	171	6.840.000	
668	Lê văn vũ	Thôn Điện An 3	1	53	2.120.000	
669	Cao văn thuận	Thôn Điện An 3	2	77	3.080.000	

TT	Chủ hộ	Thôn/TDP	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
			Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	
670	Võ Quốc Bình	Thôn Phú Văn	3	226	9.040.000	
671	Nguyễn Trung Chánh	Thôn An Hà 1	2	30	1.200.000	
672	Nguyễn Đình Phương	Thôn An Hà 1	1	48	1.920.000	
673	Trần Thị Kim Chung	Thôn An Hà 1	2	162	6.480.000	
674	Võ Thị Út	Thôn Phú Văn	1	63	2.520.000	
675	Nguyễn ngọc phương	Thôn Hòa Bình	13	431	17.240.000	
676	Trương ngọc phi	Thôn Hòa Tân	1	192	7.680.000	
677	Lê Thanh Tuấn	Thôn An Hà 1	1	88	3.520.000	
678	Cao Văn Mỹ	Thôn An Hà 1	10	531	21.240.000	
679	Phan Thị Thùy Luân	Thôn Tân Hội	1	101	4.040.000	
680	Trần Anh Cầm	Thôn La Châu	9	250	10.000.000	
681	Nguyễn Phi Tiên	Thôn Điện Trang	1	80	3.200.000	
682	Phạm Văn Hào	Thôn Tân Hội	1	191	7.640.000	
683	Nguyễn Thị Thơm	Thôn Phú Văn	3	267	10.680.000	
684	Trần Minh Phương	Thôn Điện An 2	1	106	4.240.000	
685	Nguyễn Mậu Thống	Thôn La Hà 2	1	59	2.360.000	
686	Lê Công Thích	Thôn Phú Văn	11	502	20.080.000	
687	Hồ Thị Kim Dung	Thôn Phú Văn	1	88	3.520.000	
688	Nguyễn Thị Hồng Vân	Thôn Phú Văn	1	75	3.000.000	
689	Đoàn Thị Phương Trúc	Thôn La Châu	1	92	3.680.000	
690	Đoàn Thị Xuân Tốt	Thôn Phú Văn	1	72	2.880.000	
691	Phạm Thị Thạch	Thôn Điện An 1	5	46	1.840.000	
692	Ngô Thị Vân	Thôn Tân Hội	1	151	6.040.000	
693	Lê Thị Phương	Thôn La Hà Thạch Trạn	1	43	1.720.000	
694	Cao Văn Mỹ	Thôn An Hà 1	11	623	24.920.000	
695	Nguyễn Thị Thuyết	Thôn Vạn An 1	1	15	600.000	
696	Nguyễn Thị Quới	Thôn Tân Hội	1	83	3.320.000	
697	Phạm Thị Mênh	Thôn Tân Hội	1	159	6.360.000	
698	Trương Quang Lâm	Thôn Tân Hội	2	383	15.320.000	
699	Phan Thị Liên	Thôn Tân Hội	5	291	11.640.000	
700	Phan Tấn Xuân	Thôn Tân Hội	1	133	5.320.000	
701	Nguyễn Thị Lắm	Thôn Phú Văn	13	207	8.280.000	
702	Trần Anh Cầm	Thôn La Châu	11	1.872	74.880.000	
703	Cao Văn Thuận	Thôn Điện An 3	5	207	8.280.000	
704	Lê Thị Thành	Thôn Vạn An 1	2	83	3.320.000	
705	Lê Văn Tựu	Thôn An Hà 1	1	157	6.280.000	
706	Nguyễn Thị Thơm	Thôn Phú Văn	3	156	6.240.000	
707	Bùi Thị Cúc	Thôn La Châu	1	95	3.800.000	
708	Chế Thị Nở	Thôn Điện Trang	5	93	3.720.000	
Tổng cộng			3.317	169.636	6.785.440.000	-